

## CẢNH VÀ TÌNH TRONG ĐƯỜNG THI

ĐINH PHAN CẨM VÂN\*

### TÓM TẮT

“Hòa” là một phạm trù mỹ học bao quát và chi phối mọi bộ môn nghệ thuật Trung Hoa. Một trong những vẻ đẹp của Đường thi là hài hòa cảnh và tình. Bài viết tập trung nói về mối liên kết cảnh tình trong Đường thi, đặc biệt lưu ý những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng, biểu tượng.

### ABSTRACT

#### *Scenery and love in the Tang poetry*

“Harmony” is a comprehensive aesthetic category and governs all Chinese artistic subjects. One of the Tang poetry’s beauties is the harmony of scene and love. This article focuses on association between scene and love in the Tang poetry, especially images with symbolic and figurative meanings.

Một bài thơ bao gồm hai phương diện: cảnh và tình. Tác động của thơ đến với người đọc cũng là tác động từ tình và cảnh. Cảnh trong thơ cổ phần lớn là thiên nhiên sơn thủy. Đặc điểm này vốn xuất phát từ loại hình văn hóa nông nghiệp, quá trình tiếp xúc lâu dài với tự nhiên của cư dân nông nghiệp. Thiên nhiên là đối tượng tìm hiểu, cũng là đối tượng thẩm mỹ, là nơi ký thác tâm tình và cũng là một thế giới tượng trưng bất tận. Sáng tạo hình ảnh là một phương diện quan trọng trong sáng tác thơ ca. Thành tựu của thơ Đường căn bản là sáng tạo hệ thống hình ảnh giàu giá trị thẩm mỹ được kết hợp từ khả năng quan sát, cảm xúc và độ sâu tư tưởng. Có thể là những phác họa đơn sơ theo lối bạch miêu nhưng vẫn tạo được thần thái, hồn cốt:

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận  
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu*  
(Buồm đơn lẻ chìm trời xanh vô tận

Sông miên man chảy miết chân trời)  
(Hoàng Hạc lâu Tống Mạnh Hạo  
Nhiên chi Quảng Lăng – Lý Bạch)

Có thể bằng nhân hóa:

*Viễn hải động phong sắc  
Xuy sâu lạc thiên nhai*  
(Sắc gió động biển xa  
Sầu rơi phía chân trời)  
(Lục thủy khúc – Lý Bạch)

bằng ẩn dụ:

*Phù vân du tử ý  
Lạc nhật cố nhân tình*  
(Ý kẻ ra đi như mây trôi  
Tình cố nhân như mặt trời tà)  
(Tống hữu nhân – Lý Bạch)

bằng khoa trương:

*Bạch phát tam thiên trượng  
Duyên sâu tự cá trường*  
(Tóc trắng ba ngàn trượng  
Vi buồn dài lạ sao)  
(Thu phổ ca - Lý Bạch)

Diễm lệ và trữ tình, huy hoàng và khoáng đạt, bay bổng và u trầm... là ấn tượng chung khi bước vào thế giới Đường thi. Tuy nhiên cũng có nhà thơ

\* TS, Khoa Ngữ văn  
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

không khuôn mình trong những hình ảnh tươi đẹp, lộng lẫy: *yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong, sơn, thủy*... Lý Thương Ẩn, Lý Hạ là tiêu biểu. Người đời gọi thơ Lý Hạ là “quỷ thi” bởi trong thơ ông vô số những hình ảnh quái dị, khác thường: *quỷ cái, linh miêu, rắn chín đầu, hoa nhỏ lệ, sắc màu nức nở, tiếng kêu của mặt trời... và máu chảy, thủy tinh vỡ, cú gào*... Thế giới thơ của Lý Hạ biểu thị cảm quan hiện thực nghiêng về khái quát, tượng trưng, phần nhiều bằng thần thoại, huyền thoại. Mặc dù cái được biểu đạt vẫn là những vấn đề muôn thuở nhưng cái biểu đạt không đi theo lối cũ.

Dù vậy, hình ảnh trong thơ bao giờ cũng hướng tới để diễn tả tình ý. Mỗi quan hệ tình cảnh không phải đến Đường thi mới đặt ra. Tư duy vạn vật hữu linh của cư dân nông nghiệp luôn thác vào vật tư tưởng, tính tình. Cảnh trong thơ từ vạn cổ đôi khi đã không được miêu tả vì bản thân nó mà là hình ảnh quy chiếu từ tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Thi nhân có xu hướng khai thác tính chất của cảnh để gửi gắm những tâm tình tương hợp. Cảnh được trí tưởng tượng của thi nhân phóng chiếu qua cái nhìn tâm trạng mang chứa những sắc thái đặc biệt, đồng thời cũng mở rộng bất ngờ những ý nghĩa hàm ẩn. Chẳng hạn hình ảnh của “liễu”. Có thể là một làn liễu êm đềm trong mưa xuân, rất chân thực:

*Tối thị nhất niên xuân hảo xứ*

*Tuyết thăng yên liễu mãn hoàng đô*

(Trong một năm, mùa xuân là mùa đẹp nhất

Liễu rủ như khói tuyết vời khắp thành đô)

(*Sơ xuân tiểu vu* - Hàn Dũ)

Có thể “liễu” đem đến những liên tưởng về thời gian, sự thức nhận ý nghĩa cuộc đời:

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sâu*

*Xuân nhật ngưng trang thương thúy*

*lâu*

*Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc*

*Hối giao phu tế mịch phong hầu*

(Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết

sâu

Ngày xuân trang điểm bước lên lầu

Chợt thấy đầu đường xanh biếc liễu

Hối (hận) khuyên chồng kiếm ân phong hầu)

(*Khuê oán* – Vương Xương Linh)

Thường gặp hơn cả là gọi nỗi buồn ly biệt:

*Dương Tử giang đầu dương liễu*

*xuân*

*Dương hoa sâu sát độ giang nhân*

(Bến Dương Tử liễu màu xuân

đượm

Hoa dương liễu khiến người đi

buồn đến chết)

(*Hoài thượng biệt hữu nhân* – Trịnh

Cốc)

*Thiên hạ thương tâm xứ*

*Lao Lao tổng khách đình*

*Xuân phong tri biệt khổ*

*Bất khiển liễu điều thanh)*

(Nơi đau lòng cõi thế

Đình tiễn khách Lao Lao

Gió xuân thấu ly biệt

Chẳng khiến liễu xanh cành)

(*Lao Lao đình* - Lý Bạch)

Khi chia tay người Trung Quốc thường bẻ cành liễu làm vật trao tặng. Những khúc chia tay được gọi là những

khúc “chiết liễu”. Dương liễu xanh xanh càng gọi nỗi buồn chia ly đứt ruột. Lý Bạch mong liễu đừng xanh để không trở thành vật trao tặng lúc biệt ly và sẽ không còn cảnh tiễn đưa, ly biệt. Thông điệp bài thơ nằm ngoài câu chữ, “tượng ngoại chi tượng” (hình tượng ngoài hình tượng) là vậy.

Mối quan hệ cảnh tình đa dạng và biến hóa. Có thể cảnh đến trước tình, tình đến trước cảnh hoặc cảnh tình cùng gặp gỡ, thăng hoa. Cảnh đến trước tình, cảnh có giá trị khách quan, giữ vai trò gợi hứng. Phương thức này có từ trong thơ ca dân gian, *Quan thư (Kinh thi)* là tiêu biểu. Từ tình đến cảnh, cảnh trở thành vật ký thác mang tính chủ quan. Tình cảnh cùng chan hòa, không phân biệt vật - ta, sau trước. Có thể cảnh thắng tình, yếu tố cảnh nổi trội, tình mờ nhạt, mơ hồ. Trường hợp này thường rơi vào những bài thơ tả cảnh. *Tuyệt cú* của Đỗ Phủ là bức tranh tươi đẹp bởi màu sắc, trong veo bởi âm thanh, ám áp bởi cuộc sống thanh bình, trù phú:

*Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu  
Nhất hàng bạch lộ thương thanh  
thiên*

*Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết  
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền*  
(Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc  
Một hàng cò trắng vút trời xanh  
Nghìn năm tuyết núi song in sắc  
Muôn dặm thuyền Ngô cửa rập rình)  
(Tản Đà dịch)

Nhiều bài, tình thắng cảnh; cảnh thoáng qua, nhẹ nhàng, tình đậm đà, chan chứa. Cảnh gọi tình, dư vị còn lại là cảm xúc, tâm trạng:

*Hoa minh liễu ám nhiều thiên sâu  
Thương tận trùng thành cánh  
thương lâu*

*Dục vấn cô hồng hướng hà xír  
Bất tri thân thể tại du du*  
(Hoa nở rục, liễu xanh thắm buồn  
vương trời

Ta dạo hết thành cao lại muốn lên  
lầu cao hơn

Muốn hỏi cánh chim hồng đơn  
chiếc bay về đâu

Không biết thân mình lẻ loi buồn  
đăng đặc)

(*Tịch Dương lâu* - Lý Thương Ẩn)

Có thể hai yếu tố cảnh và tình có dung lượng cân bằng, hài hòa trong nhau làm nên mạch cảm xúc cho toàn bài. Những bài thơ này có tần số cao hơn cả. Liên kết theo phương thức nào, chung quy thường thức cảnh và tình là thường thức tổng thể *ý cảnh* chứ không phải thường thức hai đối tượng riêng rẽ. Mặc dù đến đời Đường, thơ ca chủ trương “chủ tình”, lấy tình làm rường mối, xu hướng “tình thắng cảnh” có phần nổi trội.

Quan niệm của Thánh Thán về cấu trúc tiền giải và hậu giải trong một bài luật thi, với cách hiểu nông cạn để cho rằng cảnh và tình tách bạch. Cảnh và tình trong một bài thơ Đường là kết quả của sự tương tác dẫn đến tương sinh, nảy nở hình ảnh thơ, tứ thơ. Tình (ý) là chìa khóa để hiểu hệ thống hình ảnh của bài thơ và ngược lại, thông qua mối quan hệ của hệ thống hình ảnh để sáng tỏ hơn tình ý. Do vậy nói đến thơ Đường người ta hay dùng khái niệm “ý tượng”, “hứng tượng”. Các khái niệm này là sự diễn đạt tinh tế và cô đọng mối liên kết cảnh tình.

Trong quan hệ đồng đẳng của các nhị thức, người đọc hình dung cụ thể một bài thơ là sự tương tác giữa hình ảnh và khơi gợi, giữa bề mặt và phần chìm sâu, giữa nghĩa phô bày và nghĩa hàm ẩn, giữa cái được nói ra và cái ám thị. Phần bề nổi (tượng nội) và phần chìm sâu (tượng ngoại) đều phải thiết lập thành một thế giới gắn kết về ý nghĩa. Trong đó, hình tượng nghệ thuật dung hòa tình cảm chủ quan của tác giả thì bài thơ đạt đến “ý tượng”. Tao dựng được mối liên kết ý nghĩa ngoài câu chữ, gợi mở ý tình trong lòng người tức là đạt được “húng tượng”. Thế giới hình tượng ngoài câu chữ sẽ tạo nên khí vị riêng cho bài thơ. Thơ Đường được đặc biệt coi trọng và đánh giá cao là ở phương diện ý nghĩa này. Vì điệu của thơ là ở đó và thơ dành cho tri âm cũng là ở đó. Tri âm không bao giờ dùng lời để tán thưởng mà chỉ là sự lặng im, âm thầm thưởng thức cái “ý tại ngôn ngoại”, âm thầm cảm nhận cái khí vị của bài ca, chẳng thể nói rạch ròi. Thi nhân gọi đó là thuật “truyền tâm ấn” – in dấu trái tim mình vào trái tim người đọc. Đó cũng là văn hóa thưởng thức nghệ thuật rất riêng của Trung Quốc. Xem thư pháp, ngắm tranh cũng vậy. Những bức tranh hay thư pháp chỉ được giờ ra thưởng thức khi gặp tri âm. Họ mở ra từng chút ngược thế giấy cuộn, ngắm nhìn từng chút và khi bức tranh được mở hết thì cũng có nghĩa đã thưởng thức xong tác phẩm nghệ thuật. Cùng thưởng thức trong vô thanh và rồi lại lặng lẽ cuộn lại, cất đi chờ dịp khác. “Một sự kiện mà nhiều người biết là bài thơ, một mặt, có lớp ý nghĩa đầu tiên có thể dịch được bằng văn xuôi, mặt khác nó

sống trong tâm tư người đọc một cuộc sống thứ hai, chính cuộc sống này xác định nó như là một bài thơ” (Dẫn theo [3, tr 130]).

Xin lấy *Cẩm sắt* của Lý Thương Ẩn minh họa:

*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền  
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên  
Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp  
Vọng đế xuân tâm thác đổ quyên  
Thương hải nguyệt minh châu hữu*

*lệ*

*Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên  
Thử tình khả đãi thành truy ức  
Chỉ thị đương thì dĩ vọng nhiên*

(*Cẩm sắt* có gì năm mươi dây  
Mỗi dây một trục nhớ thời tuổi

xuân

Mơ màng giấc mộng Trang Sinh  
Lòng xuân Thục đế đổ quyên gửi

vào

Trăng soi ngọc trong như nước mắt  
Khói ấm nồng trên hạt Lam Điền  
Mối tình này hãy để thành hoài

niệm

Lòng bấy giờ đã tuyệt vọng, đau thương)

Lớp nghĩa đầu tiên có thể nhận ra là tác giả miêu cây đàn gấm và âm thanh của tiếng đàn. Nguyễn Du từng mượn ý của bốn câu giữa để miêu tả tiếng đàn lúc Kim Kiều tái hợp:

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa  
Áy hồn hồ điệp hay là Trang Sinh  
Khúc đầu êm ái xuân tình  
Áy hồn Thục đế hay mình đổ quyên  
Trong sao trăng rõ doanh quyên  
Ám sao hạt ngọc Lam Điền mới*

*đông.*

Hình ảnh cây đàn không chỉ được cảm nhận ở tầng nghĩa thứ nhất như vậy. Cây đàn gợi nhớ thời hoa niên hào hoa, gợi nhớ mối tình không dứt. Mối tình ấy giờ chỉ còn là hoài vọng nhưng vẫn gắn với những mộng mơ đôi lứa. Hình thức câu hỏi mở đầu bài thơ dẫn dắt người đọc đến những nghĩa hàm ẩn mơ hồ, được gợi lên từ giấc mộng Trang Chu hóa bướm, từ máu của chim đỗ quyên biến thành hoa đỗ quyên, từ huyền thoại về ngọc ở Nam Hải, Lam Điền... Tất cả đều hướng đến diễn tả sự biến đổi. Mối tình đã biến thành hư không, giờ chỉ là mơ hồ trong ảo giác mộng thực... như giấc mộng hồ điệp, như loài hoa đỗ quyên từ máu của chim quyên nở đỏ thắm trên đất Thục, như giọt nước mắt đêm trăng thành ngọc bích, như khói mây trên hạt ngọc Lam Điền. Điều muốn nói lại không được nói ra rành mạch, cứ nằm ở lưng chừng giữa hư và thực, giữa có và không. Khí vị toát ra từ tổng thể, tác động đến người đọc từ tổng thể mang tới những phân vân không dứt... “Không có gì quý hơn một bài ca lừng lờ. Ở đó vừa chính xác lại vừa mơ hồ” (P.M Verlaine).

Ngôn ngữ đôi khi lại là giới hạn của tư tưởng, tư duy và người ta cần đến vô

thanh. Các nhà lý luận phương Tây từng nhấn mạnh sự bất lực này: “Mọi cái đều có thể miêu tả bằng ngôn ngữ, nhưng vẫn có cái giới hạn mà ngay cả nhà thơ vĩ đại nhất cũng không thể khắc phục được. Bao giờ cũng còn một cái gì “không thể hiện được bằng ngôn ngữ” (Dẫn theo [1, tr. 392]). Vì vậy tài tình của Đường thi lại là gợi được những điều phía sau ngôn từ bằng cách tạo nên những sợi dây liên hệ vô hình, đan dệt nên những ý tượng thắm mỹ, tạo ra những khoảng trống để người đọc tự lấp đầy ý nghĩa. Những ẩn dụ, tượng trưng càng trở nên đắt giá khi có khả năng mở rộng trường nghĩa hoặc diễn tả những cảm thụ mông lung, mơ hồ.

Hệ thống hình ảnh và tình ý luôn gắn kết như hai mặt của bàn tay. Cần lưu tâm hơn cả là những hình ảnh tượng trưng, ẩn dụ. Thơ Đường lại rất giàu ẩn dụ, tượng trưng. Những tượng trưng, ẩn dụ xuất phát từ mã văn hóa chung và do cá nhân nhà thơ sáng tạo. Nhưng chung quy, cảnh đơn sơ, thô mộc hay ẩn tàng, sâu xa đều nhằm diễn đạt ý. Cảnh tình phải đạt tới sự thống nhất, tạo thành những *ý cảnh*, *ý tượng* giàu giá trị thẩm mỹ thì sáng tác thơ ca mới thực sự là một sản phẩm nghệ thuật.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Cagan (2004), *Hình thái học của nghệ thuật* (bản dịch của Phan Ngọc), Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Tân Đà (1989), *Thơ Đường*, (Nguyễn Quảng Tuân biên soạn), Nxb Trẻ, Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học TP Hồ Chí Minh.
3. Lê Nguyên Lưu (2007), *Đường thi tuyển dịch* (tập 1&2), Nxb Thuận Hóa.
4. Hoàng Ngọc Hiến (2009), *Nghiên cứu so sánh văn hóa Đông – Tây*, Nxb Lao động, TT Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
5. Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (1997), *Về thi pháp thơ Đường*, Nxb Đà Nẵng.